PUBLIC

**Phụ lục XXIV: Mẫu báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng**
**Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*
*(Issued in association with Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance)*

# BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
# REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

*Tại ngày 17 tháng 01 năm 2022 / As at 17 Jan 2022*

| | | |
|---|---|---|
| 1 | **Tên Công ty quản lý quỹ:**<br>Fund Management Company: | **Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI**<br>SSI Asset Management Company Limited |
| 2 | **Ngân hàng giám sát:**<br>Supervisory bank: | **Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**<br>Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited |
| 3 | **Tên Quỹ:**<br>Fund name: | **Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Dài Hạn Việt Nam**<br>Vietnam long term growth fund (VLGF) |
| 4 | **Ngày lập báo cáo:**<br>Reporting Date: | **Ngày 18 tháng 01 năm 2022**<br>18 Jan 2022 |

*Đơn vị tính/ Currency: VND*

| STT<br>No. | Chỉ tiêu<br>Criteria | Mã số<br>Code | Kỳ báo cáo<br>This period | Kỳ trước<br>Last period |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Giá trị tài sản ròng**<br>**Net Asset Value** | | | |
| 1.1 | của quỹ/ of the Fund | | 144,481,441,087 | 148,331,151,660 |
| 1.2 | của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund Certificate (không áp dụng/ not applicable) | | | |
| 1.3 | của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate | | 9,632.47 | 9,889.43 |
| **2** | **Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) (*)**<br>**Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) (*)** | | | |
| 2.1 | Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates | | 10,002,500.00 | 10,002,500.00 |
| 2.2 | Tổng giá trị/ Total value | | 96,348,781,175 | 98,919,023,575 |
| 2.3 | Tỷ lệ sở hữu/ Ownership Ratio | | 66.69% | 66.69% |

(*) Các chỉ tiêu này được xác định tại ngày chốt giá trị tài sản ròng.
Those items are valued as at net asset value date.

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**
Authorised Representative of Supervisory Bank

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**
Authorised Representative of Fund Management Company

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**
**Vũ Hương Giang**
Trưởng Phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

**Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI**